

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HS-ST

Ngày: 15-7-2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Vinh

Ông Trần Đức Hiếu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thùy Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

**Nguyễn Thị Thanh D**, Sinh ngày: 11/02/1990 tại Đà Nẵng. Nơi cư trú: Tổ 31 phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh V và bà Mai Thị D1; có 01 con sinh năm 2018;

Tiền án: Bị Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 69/2010/HSST ngày 26/6/2010.

Tiền sự: Bị Công an phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản tại Quyết định xử phạt hành chính số 06/QĐ-XPHC ngày 24/12/2019.

Nhân thân:

- Bị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, thời gian thử thách là 18 tháng tại Bản án số 03/2007/HSST ngày 06/02/2007.

- Bị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt với Bản án số 03/2007/HSST ngày 06/02/2007 buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 21 tháng tại Bản án số 13/2007/HSST ngày 18/6/2007.

- Bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 27/2012/HSST ngày 24/02/2012.

- Bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 20/2014/HSST ngày 17/6/2014.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**\* Bị hại:**

Chị Lê Thị Hoàng L - Sinh năm: 2003.

Nơi cư trú: Số 519 đường T, tổ 51, phường P, quận C, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của chị Lê Thị Hoàng L:

Ông Lê Đình B và bà Trương Thị Kim V.

Cùng cư trú: Số 519 đường T, tổ 51, phường P, quận C, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị Mỹ K - Sinh năm: 1989.

Nơi cư trú: Số 108 đường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị H- Sinh năm: 1983.

Nơi cư trú: Số 196 đường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Phạm Đức T - Sinh năm: 1986.

Nơi cư trú: Số 196 đường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

- Ông Nguyễn Đăng V1 - Sinh năm: 1985.

Nơi cư trú: Tổ 06 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 06/3/2020, Nguyễn Thị Thanh D điều khiển xe mô tô hiệu Piaggio Liberty 12, BKS: 43C1- 690.29 đi trên đường T, khi ngang qua nhà số 519 T, tổ 51, phường P, quận C, thành phố Đà Nẵng. D thấy cửa mở nhưng trong nhà không có người nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. D dựng xe trước cửa và đi vào trong nhà, nhìn thấy chị Lê Thị Hoàng L đang ngủ trong phòng, trên bàn trước cửa phòng có để 01 máy điện thoại di động hiệu Iphone 11 ProMax của chị L đang cắm sạc, D dùng tay rút dây sạc và cho máy điện thoại vào túi xách đang mang trên vai rồi đi ra khỏi nhà. Ra đến cửa nhà, D gặp bà Trương Thị Kim V (là mẹ ruột chị L) đang đi vào, bà V có hỏi D đi đâu nhưng D trả lời đi tìm người quen nên bà V không nghi ngờ gì. Sau đó, D mang chiếc điện thoại trộm cắp được đến tiệm điện thoại Tùng Iphone, địa chỉ: Số 196 H, phường N, quận H, bán cho bà Nguyễn Thị H là nhân viên của tiệm với giá 4.000.000 đồng. Khi xem và mua máy điện thoại, bà H hỏi D về nguồn gốc máy, D trả lời là tài sản của chồng D, do nghi ngờ chồng có quan hệ với người khác, D đã đập vỡ máy điện thoại và đem bán luôn, nghe vậy bà H không nghi ngờ gì về nguồn gốc của điện thoại. Bà H đã bán máy điện thoại lại cho ông Nguyễn Đăng V1, ông V1 kiểm tra tài khoản icloud của máy trên trang web của hãng điện thoại Apple Iphone nhưng không thấy người báo mất nên đã cài đặt lại phần mềm và thay mặt kính sau của điện thoại.

Qua điều tra, Nguyễn Thị Thanh D đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tự nguyện giao nộp số tiền 4.000.000 đồng và khai báo diễn biến cụ thể quá trình phạm tội. Ông Nguyễn Đăng V1 đã trả lại máy điện thoại Iphone 11 ProMax cho bà Nguyễn Thị H, bà H đã tự nguyện giao nộp điện thoại cho Cơ quan công an. Bà H yêu cầu D bồi thường số tiền 4.000.000 đồng, hiện nay D vẫn chưa bồi thường. Đối với bà H và ông V1 khi mua máy điện thoại không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý.

Kết luận định giá tài sản số 17/KL-ĐGTS ngày 23/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Cẩm Lệ xác định: điện thoại di động hiệu Iphone 11 ProMax, 64 GB, màu vàng đồng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 28.701.000 đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ xử lý vật chứng trao trả lại chiếc điện thoại này cho chị L, chị L không có yêu cầu gì thêm về mặt dân sự, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với Nguyễn Thị Thanh D.

Từ những tình tiết nêu trên, tại Cáo trạng số 30/CT-VKSCL ngày 05/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ đã truy tố bị cáo Nguyễn

Thị Thanh D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ thực hiện quyền công tố phát biểu quan điểm luận tội là vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo D mức hình phạt từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 4.000.000 đồng tạm giữ của D, là tiền D bán máy điện thoại cho bà H mà có, đây là số tiền thu lợi bất chính đề nghị HĐXX tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với xe mô tô hiệu Piaggio Liberty 12, BKS: 43C1- 690.29 qua xác minh chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Mỹ K. Bà K cho D mượn xe để làm phương tiện đi lại, không biết D sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản, do đó Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý đối với bà K và trao trả xe lại cho bà Kiều. Bà K đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về mặt dân sự.

Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H: đề nghị HĐXX tuyên buộc bị cáo trả lại cho bà H số tiền 4.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo D đã khai nhận hành vi như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ truy tố. Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và nói lời sau cùng là xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Cẩm Lệ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố, xét xử của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Thanh D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát, lời khai của bị cáo phù hợp với vật chứng thu hồi được cũng như

phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được thể hiện tại hồ sơ vụ án, nên HĐXX có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 8 giờ 30 phút ngày 06/3/2020, bị cáo Nguyễn Thị Thanh D đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản, đột nhập vào nhà số 519 T, tổ 51, phường P, quận C, thành phố Đà Nẵng, lén lút chiếm đoạt của chị Lê Thị Hoàng L01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 ProMax, 64 GB, màu vàng đồng có giá trị 28.701.000 đồng (theo Kết luận định giá tài sản số 17/KL-ĐGTS ngày 23/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Cẩm Lệ). Do đó, hành vi này của bị cáo D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo D về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe, có nhận thức pháp luật và xã hội nhất định, nhưng bị cáo lại bất chấp hậu quả, coi thường kỷ cương pháp luật để trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn thể hiện sự táo bạo, liều lĩnh, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội. Ngoài ra, bị cáo D có nhân thân xấu là: Năm 2007, bị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, thời gian thử thách là 18 tháng tại Bản án số 03/2007/HSST ngày 06/02/2007 và xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt với Bản án số 03/2007/HSST ngày 06/02/2007 buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 21 tháng tại Bản án số 13/2007/HSST ngày 18/6/2007; Năm 2012, bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 27/2012/HSST ngày 24/02/2012; Năm 2014 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 20/2014/HSST ngày 17/6/2014. Bị cáo D còn có 01 tiền sự là bị Công an phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản tại Quyết định xử phạt hành chính số 06/QĐ-XPHC ngày 24/12/2019. Tuy nhiên, bị cáo D không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp. Do đó, HĐXX xét thấy cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng và góp phần răn đe, đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo D bị Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 69/2010/HSST ngày 26/6/2010, đã chấp hành xong hình phạt tù, tại phiên tòa bị cáo khai nhận bị cáo chưa thực hiện việc nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm. Đồng thời, theo kết quả trả lời xác minh của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thì Chi cục không thụ lý thi hành đối với Nguyễn Thị Thanh D cũng như bản án nêu trên. Do đó, HĐXX xác định bị cáo D chưa nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm nên bị cáo chưa được xóa án tích mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Vì vậy, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Bị cáo đang mang thai và nuôi con nhỏ con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Hơn nữa, bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

[4.1] Bị hại chị Lê Thị Hoàng L đã nhận lại điện thoại di động, nên không yêu cầu bồi thường gì thêm. Do đó, HĐXX không xem xét.

[4.2] Sau khi trộm cắp điện thoại di động hiệu Iphone 11 ProMax, 64 GB, màu vàng đồng, bị cáo Nguyễn Thị Thanh D đã bán lại cho bà Nguyễn Thị H với giá 4.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị H đã tự nguyện giao nộp lại chiếc điện thoại và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ đã xử lý trả cho bị hại chị Lê Thị Hoàng L. Bị cáo D cũng tự nguyện nộp lại số tiền 4.000.000 đồng đã bán điện thoại. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Thanh D trả lại số tiền 4.000.000 đồng. HĐXX xét thấy: bà Nguyễn Thị H không biết điện thoại di động hiệu Iphone 11 ProMax, 64 GB, màu vàng đồng là do D phạm tội mà có. Do đó, buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh D trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 4.000.000 đồng. Đồng thời, HĐXX không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ về việc tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 4.000.000 đồng mà bị cáo D đã nộp lại, tiếp tục tạm giữ số tiền nêu trên để đảm bảo thi hành án.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô xe mô tô hiệu Piaggio Liberty 12, BKS: 43C1-690.29 là tài sản của bà Nguyễn Thị Mỹ K. Bà K không biết việc bị cáo D sử dụng xe để làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an quận Cẩm Lệ đã trả lại cho bà K là có cơ sở, nên HĐXX không xem xét.

[6] Tại phiên tòa, mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ đề nghị áp dụng cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh D là có căn cứ, đúng luật, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo như đã phân tích nêu trên, nên được HĐXX chấp nhận.

[7] Đối với bà Nguyễn Thị Hậu, ông Nguyễn Đức Tùng và ông Nguyễn Đăng V1 không biết điện thoại di động hiệu Iphone 11 ProMax, 64 GB, màu vàng đồng là do D phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ không đề cập xử lý là có cơ sở. Do đó, HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh D phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Thanh D 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh D trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 4.000.000 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 4.000.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Thị Thanh D đã nộp lại để đảm bảo thi hành án (*hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ theo Quyết định chuyển vật chứng vụ án số 21/QĐ-VKSCL ngày 05/6/2020 và Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 08/6/2020*)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- VKSND tp. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT quận Cẩm Lệ;
- Cơ quan THAHS CA quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Sở tư pháp tp. Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CA TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Thanh Tuyền**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- VKSND tp. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT quận Cẩm Lệ;
- Cơ quan THAHS CA quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Sở tư pháp tp. Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CA TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Thanh Tuyền**



